

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-12-2021

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh

T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dũng

2. Bà Nguyễn Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1998

Địa chỉ thường trú: Ấp 2, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Số 33/10 đường P, khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ thường trú: Ấp 2, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Số 33/10 đường P, khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc T trình bày:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2017 chị và anh Lê Văn T đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/3/2017.

Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống tại số 33/10 đường P, khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống anh T không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên cờ bạc, rượu chè, đánh đập vợ con. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có 01 (một) con chung tên Lê Ngọc N, sinh ngày 17/3/2019. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị và anh T không có nợ chung.

Bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Xét thấy, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập để các đương sự hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, từ đó cho thấy anh T cũng không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Xét cần giao cháu Lê Ngọc N, sinh ngày 17/3/2019 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều

39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị T.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[4] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị T xin ly hôn với anh T, thấy rằng: Chị T và anh T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/3/2017 (Giấy đăng ký số 19/2017) nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Theo chị T, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên cờ bạc, rượu chè, đánh đập vợ con. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Hơn nữa, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt cho anh T các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, anh T đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T. Từ đó, cho thấy anh T cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[5] Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của chị T cùng các chứng cứ do chị T cung cấp thì chị T và anh T có 01 (một) con chung tên Lê Ngọc N, sinh ngày 17/3/2019. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N. Xét thấy, hiện cháu N đang sống với chị T, cuộc sống đã ổn định, khả năng chị T có thể chăm sóc con chung tốt. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu N nên giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về phân cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con..

[7] Về chia tài sản, nợ chung: Chị T trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung. Anh T vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc T về việc “Ly hôn” với anh Lê Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Ngọc T và anh Lê Văn T.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Ngọc N, sinh ngày 17/3/2019 cho chị Bùi Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị Ngọc T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002799 ngày 05/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chị Bùi Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, chị Bùi Thị Ngọc T và anh Lê Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang ;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy